TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/DS - ST
Ngày: 31/7/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Hoàng Tha.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST - DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1992; HKTT: KDC H, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh Tạm trú: đường L, thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt)

Bị đơn: Bà P Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

Người làm chứng: Ông Trần Văn H; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: đường H, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Từ năm 2020 đến năm 2021, do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Thùy D có cho bà Phan Thị P vay tổng số tiền là 261.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu đồng), bà P hứa sẽ trả tiền sau vài ngày mượn qua tin nhắn nhưng bà P không trả. Đến năm 2022, bà Phan Thị P có chốt lại nợ bà D là 261.000.000 đồng (hai trăm sáu

mươi mốt triệu đồng) và hẹn đến ngày 31/5/2022 sẽ trả hết số nợ bằng hình thức ký giấy mượn tiền ngày 25/01/2022.

Nhận thấy bà Phan Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã ký giấy nợ ngày 25/01/2022. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã yêu cầu bà P tiếp tục trả nợ và tạo điều kiện cho bà P ký giấy cam kết gia hạn thanh toán nợ sau khi hai bên đã thỏa thuận. Bà P hứa sẽ trả cho bà D 261.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu đồng) và sẽ trả thêm 4.000.000 đồng (tiền bù 02 chỉ vàng) và trả 1.000.000 đồng (tiền đền vì làm mất điện thoại bà D cho mượn). Ngoài ra, bà P còn đồng ý đền bù thêm 50.000.000 đồng tổn thất và thiệt hại vì không trả nợ sau hai lần kí giấy nợ vào ngày 25/01/2022 và ngày 02/6/2022. Tổng cộng bà P phải trả là 316.000.000 đồng (Ba trăm mười sáu triệu đồng).

Cụ thể những lần bà Phan Thị P trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thùy D như sau:

Lần 01 vào ngày 10/6/2022, trả 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản.

Lần 02 vào ngày 13/7/2022 trả 12.000.000 đồng bằng hình thức bà P tự nguyện giao xe cho bà D đi cầm cố quy ra tiền và có ký xác nhận giao xe ngày 12/7/2022, có ông Trần Văn H làm chứng sự việc.

Từ sau ngày 13/7/2022 bà P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D, đến ngày 26/9/2022, bà P tự nguyện nhắn tin xác nhận số nợ gốc còn nợ bà D là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết: Buộc bà Phan Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền gốc 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Yêu cầu bà Phan Thị P bồi thường chi phí tổn thất qua việc trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày ký giấy nợ lần 01 vào ngày 25/01/2022 đến khi nộp đơn khởi kiện với số tiền là 5.010.000 đồng (tương đương 13 tháng với mức lãi 1.67%). Tổng cộng số tiền yêu cầu là 305.010.000 đồng (ba trăm lẻ năm triệu, không trăm, mười nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thùy D xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đối với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà bà P hứa sẽ đền bù thêm vì không trả nợ sau hai lần kí giấy nợ vào ngày 25/01/2022 và ngày 02/6/2022 thì bà D không yêu cầu. Buộc bà Phan Thị P hoàn trả số tiền 261.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu đồng) theo Giấy mượn tiền lập ngày 25/01/2022 và sẽ trả thêm 4.000.000 đồng (tiền bù 02 chỉ vàng) và trả 1.000.000 đồng (tiền đền vì làm mất điện thoại bà D cho mượn. Tổng số tiền yêu cầu là 266.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi sái triệu đồng). Tuy nhiên, do bà P đã trả được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào các ngày 10/6/2022 và 13/7/2022, nên bà D đồng ý khấu trừ đi số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu)

đồng đã trả. Bà D yêu cầu bà P có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn lại là 246.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ 25/01/2022 cho đến ngày xét xử, theo lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị P trình bày: Từ năm 2020 đến năm 2021, do có mối quan hệ quen biết nên bà có vay của bà Nguyễn Thị Thùy D nhiều lần với tổng số tiền là 261.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu đồng). Bà có làm Giấy xác nhận nợ ngày 25/01/2022 và Giấy cam kết gia hạn thanh toán nợ ngày 02/6/2022. Khi vay tiền của bà D thì hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Kể từ khi vay tiền đến nay, thì bà có trả được cho bà D số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng như phía bà D trình bày.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, thì bà đồng ý hoàn trả số tiền còn thiếu là 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng), xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi dứt nợ. Riêng khoản tiền lãi, phía bà D yêu cầu bà trả, bà xin bà D bỏ khoản lãi này. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả lãi.

Người làm chứng ông Trần Văn H trình bày: Ông là em họ của bà Nguyễn Thị Thùy D, còn bà P ông chỉ biết qua lời kể của bà D nói bà P có mượn tiền bà D. Những lần bà D xuống nhà bà P làm giấy nợ ông đều đi cùng bà D và chứng kiến. Ông cam đoan những gì đã khai là đúng sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D. Buộc bà Phan Thị Pcó trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền vay gốc còn lại là 246.000.000 (Hai trăm bốn mươi sáu triệu) đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 31/7/2023. Các đương sự phải chịu án phí, chi phí định giá, thẩm định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu nguyên đơn trả số tiền gốc 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/01/2022 cho đến ngày xét xử với mỗi tháng lãi theo lãi suất 10%/năm, số tiền lãi yêu cầu là: 37.160.760 (ba mươi bảy triệu, một trăm sáu chục ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng số tiền yêu cầu là: 283.160.760 (Hai trăm tám mươi ba triệu, một trăm sáu mươi ngàn, bảy

trăm sáu mươi) đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị P cũng thừa nhận còn thiếu bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi từ 25/01/2022 đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm. Xét thấy: Trong Giấy xác nhận nợ ngày 25/01/2022, các bên không có thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)

Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn với số tiền lãi 01 năm 6 tháng 6 ngày (tiền lãi tính từ ngày 25/01/2022 đến 31/7/2023) với số tiền 37.160.760 (ba mươi bảy triệu, một trăm sáu chục ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng).

[3] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc: 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 25/01/2022 đến ngày 31/7/2023 là 37.160.760 (ba mươi bảy triệu, một trăm sáu chục ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 283.160.760 (Hai trăm tám mươi ba triệu, một trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí 14.158.038 (Mười bốn triệu, một trăm năm mươi tám ngàn, không trăm ba mươi tám) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả số vốn gốc: 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 25/01/2022 đến ngày 31/7/2023 là 37.160.760 (ba mươi bảy triệu, một trăm sáu chục ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 283.160.760 (Hai trăm tám mươi ba triệu, một trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị P phải chịu 14.158.038 (Mười bốn triệu, một trăm năm mươi tám ngàn, không trăm ba mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.625.250 đồng (Bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006962 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà